

Số: 201 /NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 04 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2011;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 15 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2017;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 15 ngày 25 tháng 04 năm 2019.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 đã được kiểm toán.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính Công ty năm 2018 đã được kiểm toán với 100% phiếu biểu quyết, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu có ý kiến khác.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

(ĐVT: đồng)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM TRƯỚC	NĂM BÁO CÁO
A- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH :			
I Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	15.991.301.699	17.942.674.763
1. Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	12.593.401.833	9.422.870.862
2. Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	722.806.551	490.073.634



3. Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	84.934.495	95.252.714
<u>II Tài sản dài hạn</u>	200 - BCĐKT	4.058.964.669	3.517.844.568
1. Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	0	0
2. Tài sản cố định	220 - BCĐKT	4.058.964.669	3.517.844.568
- Nguyên giá	222+226+228-BCĐKT	9.620.135.781	9.620.135.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229-BCĐKT	-5.561.171.112	-6.102.291.213
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242 - BCĐKT	0	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	0	0
<u>III Nợ phải trả</u>	300 - BCĐKT	12.194.521.733	13.452.785.888
1. Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	12.194.521.733	13.452.785.888
2. Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	0	0
<u>IV Vốn chủ sở hữu</u>	400 - BCĐKT	7.855.744.635	8.007.733.443
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trong đó: Vốn góp của nhà nước	411 - BCĐKT	7.402.560.000	7.402.560.000
2. Thặng dư vô cổ phần	412 - BCĐKT	166.904.137	166.904.137
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413 - BCĐKT	0	0
4. Quỹ dự phòng tài chính			
5. Lợi nhuận chưa phân phối		909.985.794	1.619.888.078
6. Quỹ khen thưởng HĐQT		0	97.193.285
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		181.997.794	145.789.926
8. Quỹ phát triển		45.499.000	242.983.212
9. Lợi nhuận được chia cổ tức		682.489.000	1.133.921.655
<u>B- KẾT QUẢ KINH DOANH</u>			
1. Tổng doanh thu		26.477.127.557	28.988.904.609
2. Tổng lãi		1.946.419.511	2.271.565.082
3. Chi phí khác (Trả nợ cũ các năm trước và xử lý nợ)		647.149.815	197.363.988
4. Tổng phải nộp ngân sách trong năm		389.283.902	454.313.016
5. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		909.985.794	1.619.888.078

C- CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁC			
1. Tỷ suất lợi nhuận /doanh thu		7,35%	7,84%
2. Lợi nhuận/Vốn đầu tư của chủ sở hữu		11,58%	20,23%
3. Tổng nợ phải trả /Vốn đầu tư của chủ sở hữu		155,23%	168,00%
4. Cổ tức được chia/01 cổ phần		921,96 đồng/1cp	1.531,8 đồng/1cp
5. Cổ tức trả về Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (52,24%)		356.543.562	592.379.461
6. Tổng quỹ lương		11.362.732.197	13.856.328.280
7. Số lao động bình quân trong năm		76	71

Điều 2. Thông qua Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2018; Phương hướng hoạt động năm 2019.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của HĐQT về công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2018; Phương hướng hoạt động năm 2019 với 100% phiếu biểu quyết, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu có ý kiến khác.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty năm 2018.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty năm 2018 với 100% phiếu biểu quyết, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu có ý kiến khác.

Điều 4. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018; thù lao và thưởng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty năm 2019.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018; thù lao và thưởng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty năm 2019 với 100% phiếu biểu quyết, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu có ý kiến khác. Cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018: *

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng doanh thu	28.988.904.609
2	Tổng chi phí	26.720.968.027
3	Lợi nhuận trước thuế năm 2018	2.271.565.082
4	Chi phí khác (xử lý nợ và chi phí của các năm trước khi cổ phần hóa)	197.363.988

020064
CÔNG TY
CỔ PHẦN
AN LÝ BÀ
NG THÚY N
SỐ 1
LÃNH-T.

5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	454.313.016
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	1.619.888.078
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Điều lệ	21,88%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế:	
	- Quỹ khen thưởng (HĐQT và BKS) 6%	97.193.285
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi 9%	145.789.926
	- Quỹ đầu tư phát triển 15%	242.983.212
	- Chia cổ tức 70%	1.133.921.655
9	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	15,3%

2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

- Chủ tịch HĐQT : Không hưởng thù lao
- Thành viên HĐQT : 2.500.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 1.800.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 1.200.000 đồng/tháng

3. Thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký và Ban Điều hành năm 2019:

Đề động viên khích lệ nâng cao doanh thu, lợi nhuận trong SXKD năm 2019, Công ty dự kiến tỷ lệ trích thưởng cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), thư ký và ban điều hành công ty tối đa là 20% phần lợi nhuận vượt kế hoạch và không vượt quá 200.000.000 đồng đã biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông năm 2019. Giá trị và đối tượng được thưởng do HĐQT quyết định, kinh phí trích từ phần lợi nhuận vượt so với kế hoạch.

Điều 5. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với 100% phiếu biểu quyết, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu có ý kiến khác.

- Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Vốn điều lệ	7.402
2	Doanh thu	25.000
3	Tổng chi phí	22.900
4	Lợi nhuận trước thuế	2.100
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	420
6	Lợi nhuận sau thuế	1.680
7	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	22,69%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế	

	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)</i>	336
	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn (10%)</i>	168
	<i>Chia trả cổ tức (70%)</i>	1.170
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn điều lệ	15,88 %
10	Thu nhập bình quân/người/tháng	8,0

Điều 6. Thông qua Tờ trình của Ban Kiểm soát về đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình của Ban Kiểm soát về đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 với 100% phiếu biểu quyết, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu có ý kiến khác.

Thông nhất ủy quyền HĐQT chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty có tên trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính công bố.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Các Ông, Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 15./.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Nguyễn Đình Thi

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Lưu: Thư ký HĐQT.